

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN. GV:

Lê Thị Hoan.

Ngày soạn: 3/9/2026

Tuần 1 – Tiết PPCT 1,2

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các tỉnh, thành phố trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng, an ninh.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được các vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới quan theo quan điểm không gian (xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ; phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh); giải thích hiện tượng và quá trình địa lí (giải thích được một số đặc điểm tự nhiên của nước ta).
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (đọc được bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á); khai thác internet trong học tập (tìm kiếm, thu thập được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web).
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ địa phương.

- NLS: HS sử dụng Google Map để tìm thông tin về các điểm cực.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Trung thực: trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tuyên truyền và bảo vệ sự toàn vẹn, chủ quyền lãnh thổ. Có ý thức trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á, bản đồ biển và hải đảo.
- Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam năm 2012).
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

- Atlat Địa lí Việt Nam.
- SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ôn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Kết nối tri thức HS đã có về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Nội dung: Em hãy nêu suy nghĩ, cảm nhận của em khi nhìn những hình ảnh các cột mốc biên giới, biển, đảo.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (Tự hào, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước).

d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kỹ thuật dạy học động não.

- Bước 1: GV sử dụng hình ảnh các cột mốc biên giới, biển, đảo,... và hỏi HS về suy nghĩ, cảm nhận của em khi nhìn những hình ảnh các cột mốc biên giới, biển, đảo.
- Bước 2: HS huy động hiểu biết để nêu cảm nhận của mình.
- Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

1.1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam

a) **Mục tiêu:** Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các tỉnh, thành phố trên bản đồ.

b) **Nội dung:** Đọc thông tin trong SGK, ghi lại những đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam. GV hướng dẫn HS xác định trên bản đồ vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

I. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ

1. Vị trí địa lí

- Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.
- Hệ tọa độ địa lí:
 - + Trên đất liền:
 - Vĩ độ: $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}34'N$
 - Kinh độ: $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}28'E$
 - + Trên biển:
 - Vĩ độ: kéo dài tới $6^{\circ}50'N$
 - Kinh độ: từ $101^{\circ}E$ - $117^{\circ}20'E$ tại Biển Đông
- Tiếp giáp: Trên đất liền tiếp giáp Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và có chung Biển Đông với nhiều quốc gia.
- Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với Biển Đông thông ra Thái Bình Dương, gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn, trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế nối liền châu Á với châu Đại Dương, Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương; trong khu vực kinh tế phát triển năng động bậc nhất trên thế giới.

2. Phạm vi lãnh thổ

- Vùng đất:
 - + Diện tích: hơn 331 nghìn km^2 .
 - + Các bộ phận: toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của đảo trên Biển Đông.
- Vùng biển:
 - + Diện tích: khoảng 1 triệu km^2 .
 - + Các bộ phận: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- Vùng trời: là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

d) **Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm Nhóm 1,2 tìm hiểu VTĐL. Nhóm 3,4 tìm hiểu về lãnh thổ., thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin trong SGK, ghi lại những đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam. GV hướng dẫn HS xác định trên bản đồ vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.
- Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 (hình 1.1 trang 6), ghi lại những từ khóa, các ý thể hiện đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam. Sử dụng google Map xác định vị trí các điểm cực, tìm kiếm thông tin về các điểm cực.
- Bước 3: Một số HS trình bày kết quả làm việc cá nhân. Trong quá trình HS trình bày, GV đặt thêm câu hỏi gợi mở để HS trả lời được vào trọng tâm vấn đề. Các HS lắng nghe phần trả lời của bạn, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2.2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng, an ninh

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng, an ninh.

b) Nội dung: Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng ở nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

II. Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, KT – XH và QP, AN

1. Ảnh hưởng đến tự nhiên

- Nước ta có sắc thái chung của thiên nhiên vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, khí hậu chịu ảnh hưởng của gió mùa, HST rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu.
- Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, các hệ sinh thái rừng thường xanh chiếm ưu thế.
- Tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng, thành phần loài sinh vật nước ta rất phong phú.
- Thiên nhiên của nước ta có sự phân hoá đa dạng, khác nhau giữa miền Bắc với miền Nam; giữa miền núi với đồng bằng,... hình thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau.
- Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,...

2. Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội

- Kinh tế: Tạo điều kiện cho Việt Nam giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và trên thế giới, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy mở cửa hội nhập quốc tế. Nước ta trở thành cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia.
- Xã hội: Tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực.
- Quốc phòng, an ninh: Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng, ở khu vực kinh tế phát triển năng động và nhạy cảm về chính trị trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp thảo luận nhóm.

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, theo vị trí ngồi cùng bàn của HS. Mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS:

+ Tìm hiểu ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng ở nước ta.

+ Hình thức trình bày kết quả: sơ đồ cây, sơ đồ tư duy, bảng hệ thống kiến thức,...

- Bước 2: HS trong nhóm phân chia nhiệm vụ, đọc thông tin trong SGK, thảo luận, tổng kết nội dung. Các nhóm trình bày phần tìm hiểu lên giấy A0.

- Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc nhóm. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức trên một sản phẩm. Các nhóm khác tự hoàn thiện sản phẩm.

GV lồng ghép kiến thức về chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh trong nội dung II.2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến an ninh quốc phòng: Liên hệ các tỉnh, thành phố biên giới và các đảo, quần đảo quan trọng để bảo vệ an ninh quốc phòng.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Hệ thống hoá kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Em hãy lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam.

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Nội thủy là

- A. vùng biển tiếp liền lãnh hải rộng 12 hải lí.
- B. vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ bờ biển trở ra.
- C. vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở.
- D. vùng đất liền, lòng đất dưới đáy biển rộng 12 hải lí từ bờ ra.

Câu 2. Vùng đất của nước ta bao gồm:

- A. toàn bộ phần đất liền và vùng mặt trước cách bờ 12 hải lí.
- B. toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và các đảo.
- C. toàn bộ phần đất nổi các đảo và phần đáy biển của thềm lục địa.
- D. toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và thềm lục địa.

Câu 3. Vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ đã tạo cho thiên nhiên nước ta

- A. giống các nước có cùng vĩ độ ở Tây Á và Bắc Phi.
- B. có sự phân hoá đa dạng, phức tạp.
- C. nghèo nàn.
- D. khá đồng nhất từ Bắc vào Nam.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở 23°23'B, cực Nam ở 8°34'B, cực Tây ở 102°09'Đ và cực Đông ở 109°28'Đ. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50'B và từ kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117 20'Đ.

- a) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.
- b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- c) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.
- d) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.

Câu 5. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung Biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.

- a) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
- b) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.
- c) Vị trí địa lí đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.
- d) Vị trí địa lí đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- Sơ đồ:



- Câu 1C, 2B, 3B, 4 a – đúng, b – đúng, c – sai, d – đúng, 5 a – sai, b – đúng, c – đúng, d – sai.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật dạy học bằng sơ đồ tư duy, kỹ thuật dạy học tia chớp.

- Bước 1: GV yêu cầu HS lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam.

- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

- Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

- Bước 4: GV thu lại sơ đồ, đánh giá kết quả học tập của HS.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề địa lí trong thực tế.

b) **Nội dung:** Tìm hiểu về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
VÙNG BIỂN VIỆT NAM
Điều 8. Xác định đường cơ sở

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Điều 9. Nội thủy

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Điều 10. Chế độ pháp lý của nội thủy

Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

Điều 11. Lãnh hải

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.

Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Điều 12. Chế độ pháp lý của lãnh hải

1. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.
2. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
3. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
5. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

Điều 13. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

Điều 14. Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải

1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 của Luật này đối với vùng tiếp giáp lãnh hải.
2. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

Điều 15. Vùng đặc quyền kinh tế

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Điều 16. Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế

1. Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện:
 - a) Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế;
 - b) Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;
 - c) Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.
2. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.
3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các

điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

4. Các quyền có liên quan đến đáy biển và lòng đất dưới đáy biển quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật này.

Điều 17. Thềm lục địa

Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.

Điều 18. Chế độ pháp lý của thềm lục địa

1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên.

2. Quyền chủ quyền quy định tại khoản 1 Điều này có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

3. Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa.

4. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về chế độ pháp lý của các vùng biển nước ta theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

- Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.